

**CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN  
MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

**CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN  
MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 27

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Tài nguyên, Môi trường và Bản đồ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Ông Lê Minh Hải	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Đức Hậu	Phó Tổng giám đốc
Bà Vũ Thị Nga	Phó Tổng giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN  
MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Chí Thanh,  
Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp  
cho năm chính kết thúc ngày 31/12/2025*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,*

**CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN  
MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM**



**Lê Minh Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TƯ VẤN THUẾ - QUYẾT TOÁN VỐN ĐTXDCB - CHUYÊN GIÁ - THẨM ĐỊNH GIÁ

「Do The RIGHT Things, In The RIGHT Ways」

Biệt thự G22 Làng Quốc tế Thăng Long - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội - Việt Nam

Số: 751-26/BC.KT-UNI

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Tổng giám đốc  
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Tài nguyên, Môi trường và Bản đồ Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Tài nguyên, Môi trường và Bản đồ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/03/2026, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
(tiếp theo)

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác.



---

**Đặng Thị Kim Trinh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2024-153-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS**

---

**Nguyễn Thị Thúy**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3982-2022-153-1

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>125.027.602.967</b>	<b>131.937.581.731</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>31.596.525.600</b>	<b>24.327.518.679</b>
1 Tiền	111		15.574.344.778	13.327.518.679
2 Các khoản tương đương tiền	112		16.022.180.822	11.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>49.932.763.746</b>	<b>51.246.146.420</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	43.744.298.024	53.519.544.456
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	864.361.000	865.441.000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	7.568.502.690	19.081.866
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.244.397.968)	(3.157.920.902)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>37.595.432.306</b>	<b>46.357.840.572</b>
1 Hàng tồn kho	141		38.127.259.937	46.811.344.347
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(531.827.631)	(453.503.775)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.902.881.315</b>	<b>10.006.076.060</b>
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.654.533.133	10.006.076.060
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	248.348.182	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.572.186.621</b>	<b>36.161.334.065</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.300.173.341</b>	<b>35.930.269.357</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	33.300.173.341	35.930.269.357
- Nguyên giá	222		150.451.825.941	148.908.579.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.151.652.600)	(112.978.309.762)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.06	-	-
- Nguyên giá	228		2.774.768.305	2.774.768.305
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.774.768.305)	(2.774.768.305)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>25.800.000</b>	-
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		25.800.000	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>246.213.280</b>	<b>231.064.708</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	246.213.280	231.064.708
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>158.599.789.588</b>	<b>168.098.915.796</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>73.145.850.576</b>	<b>82.644.976.784</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70.946.808.255</b>	<b>72.268.960.506</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	18.496.099.673	17.881.938.772
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	658.125.627	60.584.206
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.368.417.988	1.953.976.989
4 Phải trả người lao động	314		9.802.668.370	11.456.878.440
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	52.839.966	39.360.383
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	16.339.050	-
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	5.870.866.254	6.220.091.320
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	26.876.916.870	27.614.222.060
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.804.534.457	7.041.908.336
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.199.042.321</b>	<b>10.376.016.278</b>
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.14	2.199.042.321	2.126.016.278
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	-	8.250.000.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>85.453.939.012</b>	<b>85.453.939.012</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>85.453.939.012</b>	<b>85.453.939.012</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		85.453.939.012	80.747.055.546
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.453.939.012	80.747.055.546
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		-	4.706.883.466
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>158.599.789.588</b>	<b>168.098.915.796</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BÀN ĐỒ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Hải Yến

Trần Thị Minh Huệ



Lê Minh Hải

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	210.430.356.497	201.963.480.570
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	34.799.000	125.674.562
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		210.395.557.497	201.837.806.008
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	173.750.668.208	166.358.534.504
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		36.644.889.289	35.479.271.504
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	891.215.314	1.105.045.354
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	1.826.572.400	3.316.469.246
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.655.929.350	2.414.840.550
8 Chi phí bán hàng	24	VI.8	5.483.441.973	5.322.107.640
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	26.225.516.740	24.411.539.986
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		4.000.573.490	3.534.199.986
11 Thu nhập khác	31	VI.6	84.175.103	848.504.522
12 Chi phí khác	32	VI.7	288.722.008	732.013.673
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(204.546.905)	116.490.849
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		3.796.026.585	3.650.690.835
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	810.187.333	1.087.469.724
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.985.839.252	2.563.221.111

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Hải Yến

Trần Thị Minh Huệ



Lê Minh Hải

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.796.026.585	3.650.690.835
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.669.749.638	4.641.361.112
- Các khoản dự phòng	03		(835.199.078)	292.258.766
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		30.348.496	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(291.615.893)	(244.157.002)
- Chi phí lãi vay	06		1.655.929.350	2.414.840.550
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.025.239.098	10.754.994.261
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.557.762.853	(3.596.033.937)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.684.084.410	6.911.478.076
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(1.356.938.177)	(4.379.959.810)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(15.148.572)	115.534.750
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.642.449.767)	(2.414.840.550)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(989.524.060)	(988.790.234)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.223.213.131)	(1.496.701.084)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18.039.812.654</b>	<b>4.905.681.472</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.065.453.622)	(890.666.667)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		23.148.148	17.393.393
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		268.467.745	226.763.609
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.773.837.729)</b>	<b>(646.509.665)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		49.499.546.555	56.161.589.924
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(58.486.851.745)	(59.781.243.053)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.987.305.190)</b>	<b>(3.619.653.129)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.278.669.735</b>	<b>639.518.678</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>24.327.518.679</b>	<b>23.688.000.001</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		(9.662.814)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>31.596.525.600</b>	<b>24.327.518.679</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Hải Yến

Trần Thị Minh Huệ



Lê Minh Hải

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Tài nguyên, Môi trường và bản đồ Việt Nam, (gọi tắt là Công ty) tiền thân là Nhà xuất bản Bản đồ, là Doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 678/QĐ-TCĐC ngày 21 tháng 12 năm 1996 của Tổng Cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường). Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên theo quy định tại Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH Một thành viên và quản lý Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Công ty hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số 0100104387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 6 năm 2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 7 năm 2024.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **85.453.939.012 đồng** (bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, không trăm mười hai đồng).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Xuất bản sách;
- Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa lý;
- Xuất bản báo, tạp chí, và các ấn phẩm định kỳ;
- Xuất bản catalog, ảnh, bản khắc và bưu thiếp, thiệp chúc mừng, áp phích quảng cáo, tài liệu quảng cáo và các tài liệu in ấn khác;
- Sản xuất quả địa cầu;
- Xuất bản phần mềm;
- 
- Hoạt động đo đạc bản đồ;
- 
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan: Đất đai, đo đạc, bản đồ;
- 
- Quảng cáo;
- Dạy nghề ( chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Số 85 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Khối quản lý và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Khối quản lý với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính này.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với các Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của các Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của các Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa và hàng gửi bán: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình hoạt động.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**Loại tài sản cố định**

**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc

05 - 18

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Máy móc thiết bị	03 - 12
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị phần mềm máy tính.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ.

- Công cụ dụng cụ: đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

**9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước tiền cho thuê nhà, cho thuê văn phòng của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và số tiền khách hàng đã trả. Việc phân bổ từng tháng căn cứ vào số tiền cho thuê từng tháng được quy định trong hợp đồng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về cho cơ quan chủ quản sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được phê duyệt.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

**Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm thu bán thanh lý tài sản cố định và các khoản thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng kinh tế, hóa đơn tài chính, phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán khác có liên quan.

**15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng hàng hoá xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm, lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm, chi phí tài chính khác và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Tiền</b>	<b>15.574.344.778</b>	<b>13.327.518.679</b>
Tiền mặt	1.446.874.508	1.217.210.363
Tiền gửi ngân hàng	14.127.470.270	12.110.308.316
<b>b) Các khoản tương đương tiền</b>	<b>16.022.180.822</b>	<b>11.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP	16.022.180.822	11.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.596.525.600</b>	<b>24.327.518.679</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang	2.120.079.157	-	2.120.079.157	-
Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An	2.929.615.001	-	3.045.526.001	-
Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi	933.655.000	-	-	-
Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	2.837.625.000	-	2.837.625.000	-
Sở xây dựng tỉnh Phú Thọ	1.324.439.291	-	1.949.250.709	-
Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ An Việt	1.065.664.500	-	1.085.664.500	-
Công ty CP Bao bì và In Nông nghiệp	2.146.529.286	-	674.313.298	-
Công ty TNHH Canon Việt Nam	8.184.297.221	-	9.639.701.818	-
Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam	3.046.377.762	-	3.274.492.865	-
Công ty TNHH SVP Việt Nam	1.625.001.916	-	2.443.273.259	-
Công ty CP Đầu tư xuất bản-Thiết bị giáo dục Việt Nam	2.016.415.395	-	-	-
Trung tâm Biên giới và Địa giới	1.718.071.964	-	2.610.719.433	-
Các đối tượng khác	13.796.526.531	(2.244.397.968)	23.838.898.416	(3.157.920.902)
<b>Cộng</b>	<b>43.744.298.024</b>	<b>(2.244.397.968)</b>	<b>53.519.544.456</b>	<b>(3.157.920.902)</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Các đối tượng khác	864.361.000	865.441.000
<b>Cộng</b>	<b>864.361.000</b>	<b>865.441.000</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**4. Phải thu khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	7.568.502.690	-	19.081.866	-
Tạm ứng	61.522.512	-	18.578.583	-
Bảo hiểm y tế	2.036.623	-	503.283	-
Ký cược, ký quỹ	7.504.943.555	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.568.502.690</b>	<b>-</b>	<b>19.081.866</b>	<b>-</b>

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.705.072.393	104.772.006	8.156.358.807	104.783.934
Công cụ, dụng cụ	9.174.000	-	9.628.000	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang	23.466.750.558	-	31.746.802.781	-
Thành phẩm	3.731.500.813	84.845.675	5.723.000.581	155.372.381
Hàng hóa	1.209.543.632	340.662.933	1.147.922.519	169.387.325
Hàng gửi bán	5.218.541	1.547.017	27.631.659	23.960.135
<b>Cộng</b>	<b>38.127.259.937</b>	<b>531.827.631</b>	<b>46.811.344.347</b>	<b>453.503.775</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm tin học	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2025	2.774.768.305	2.774.768.305
Số dư ngày 31/12/2025	2.774.768.305	2.774.768.305
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2025	2.774.768.305	2.774.768.305
Số dư ngày 31/12/2025	2.774.768.305	2.774.768.305
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 2.774.768.305 đồng.

**CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN MỚI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư ngày 01/01/2025	51.643.899.194	92.187.158.412	2.329.605.531	2.747.915.982	148.908.579.119	
Mua trong năm	-	1.028.055.556	905.208.909	46.189.157	1.979.453.622	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	60.200.000	-	-	-	60.200.000	
Thanh lý, nhượng bán	-	(423.946.000)	-	(72.460.800)	(496.406.800)	
Số dư ngày 31/12/2025	51.704.099.194	92.791.267.968	3.234.814.440	2.721.644.339	150.451.825.941	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2025	41.136.394.364	67.530.216.824	1.609.186.128	2.702.512.446	112.978.309.762	
Khấu hao trong năm	2.134.867.024	2.310.889.880	189.627.573	34.365.161	4.669.749.638	
Thanh lý, nhượng bán	-	(423.946.000)	-	(72.460.800)	(496.406.800)	
Số dư ngày 31/12/2025	43.271.261.388	69.417.160.704	1.798.813.701	2.664.416.807	117.151.652.600	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2025	10.507.504.830	24.656.941.588	720.419.403	45.403.536	35.930.269.357	
Tại ngày 31/12/2025	8.432.837.806	23.374.107.264	1.436.000.739	57.227.532	33.300.173.341	

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 73.620.127.655 đồng.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	246.213.280	231.064.708
<b>Cộng</b>	<b>246.213.280</b>	<b>231.064.708</b>

**9. Phải trả người bán**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giấy Phú Thọ	3.508.020.868	3.508.020.868	2.014.824.095	2.014.824.095
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất giấy Khai Hoàn	1.502.939.729	1.502.939.729	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Ngành in SIC	837.791.344	837.791.344	876.515.480	876.515.480
Công ty CP Sản xuất và Thương mại P.P	735.347.519	735.347.519	224.771.065	224.771.065
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển giấy Thăng Long	521.475.207	521.475.207	601.574.163	601.574.163
Công ty CP Bản đồ Huyện Anh	1.037.581.531	1.037.581.531	940.063.331	940.063.331
Các đối tượng khác	10.352.943.475	10.352.943.475	13.224.190.638	13.224.190.638
<b>Cộng</b>	<b>18.496.099.673</b>	<b>18.496.099.673</b>	<b>17.881.938.772</b>	<b>17.881.938.772</b>

**10. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Giải pháp công nghệ GD Việt Nam	607.608.000	-
Các đối tượng khác	50.517.627	60.584.206
<b>Cộng</b>	<b>658.125.627</b>	<b>60.584.206</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.221.039.668	1.760.619.623	2.058.656.311	923.002.980
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	624.751.735	810.187.333	989.524.060	445.415.008
Thuế Thu nhập cá nhân	108.185.586	-	108.185.586	-

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	108.160.000	108.160.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.953.976.989</b>	<b>2.678.966.956</b>	<b>3.264.525.957</b>
<b>b) Phải thu</b>			
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.053.387.978	1.061.136.013
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.177.961.065	1.418.561.212
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.231.349.043</b>	<b>2.479.697.225</b>
<b>12. Chi phí phải trả</b>		<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>			
Chi phí lãi vay		52.839.966	39.360.383
<b>Cộng</b>		<b>52.839.966</b>	<b>39.360.383</b>
<b>13. Doanh thu chưa thực hiện</b>		<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>			
Doanh thu cho thuê văn phòng		16.339.050	-
<b>Cộng</b>		<b>16.339.050</b>	<b>-</b>
<b>14. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		<b>5.870.866.254</b>	<b>6.220.091.320</b>
Kinh phí công đoàn		1.733.035.453	1.493.445.365
Nhận ký quỹ, ký cược		7.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác		4.130.830.801	4.726.645.955
<i>Ông Lại Huy Toàn</i>		<i>468.895.327</i>	<i>257.164.917</i>
<i>Ông Vương Quốc Tuấn</i>		<i>210.096.896</i>	<i>210.096.896</i>
<i>Ông Nguyễn Minh Tuấn</i>		<i>197.148.522</i>	<i>197.148.522</i>
<i>Bà Đào Thị Hậu</i>		<i>201.154.533</i>	<i>98.478.945</i>
<i>Các đối tượng khác</i>		<i>3.053.535.523</i>	<i>3.963.756.675</i>
<b>b) Dài hạn</b>		<b>2.199.042.321</b>	<b>2.126.016.278</b>
Nhận ký cược, ký quỹ		2.199.042.321	2.126.016.278
<b>Cộng</b>		<b>8.069.908.575</b>	<b>8.346.107.598</b>

**CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN MỚI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**15. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>26.876.916.870</b>	<b>26.876.916.870</b>	<b>49.499.546.555</b>	<b>50.236.851.745</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (*)	18.763.406.870	18.763.406.870	49.499.546.555	50.236.851.745
Vay cá nhân	8.113.510.000	8.113.510.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Hải Thanh	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-
Ông Nguyễn Hải Nam	1.700.000.000	1.700.000.000	-	-
Bà Tạ Thị Ngọc Nhung	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	1.430.000.000	1.430.000.000	-	-
Các đối tượng khác	1.883.510.000	1.883.510.000	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.250.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (*)	-	-	-	8.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.876.916.870</b>	<b>26.876.916.870</b>	<b>49.499.546.555</b>	<b>58.486.851.745</b>
				<b>35.864.222.060</b>
				<b>27.614.222.060</b>
				<b>19.500.712.060</b>
				<b>8.113.510.000</b>
				<b>1.100.000.000</b>
				<b>1.700.000.000</b>
				<b>2.000.000.000</b>
				<b>1.430.000.000</b>
				<b>1.883.510.000</b>
				<b>8.250.000.000</b>
				<b>8.250.000.000</b>
				<b>8.250.000.000</b>

(\*) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng cấp tín dụng số 01/2025/HDCTD/VCBTX-NMIBD Ngày 10/06/2025, trong đó giới hạn cấp tín dụng là 31.350.000.000 VND, trong đó cho vay ngắn hạn là 25.000.000.000 VND, cho vay trung dài hạn là 6.350.000.000 VND. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng đối với các khoản vay ngắn hạn, khoản vay được sử dụng cho mục đích hoạt động kinh doanh (đối với các khoản vay ngắn hạn) và đầu tư mua sắm tài sản (đối với khoản vay trung dài hạn). Khoản vay được thế chấp là 01 Máy in offset 4 màu từ rời nhãn hiệu KOMORI LITHRONE G40, 01 Máy in 4 màu Mitsubishi Sheet-fed offset press diamond V3000LS-4C và 01 Hệ thống máy đóng sách liên hoàn bằng ghim OSAKO, model: 368, biên áp 60KVA.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**16. Vốn chủ sở hữu**

**16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2024	80.747.055.546	-	80.747.055.546
Lãi trong năm trước	-	2.563.221.111	2.563.221.111
Trích lập các quỹ	-	(2.563.221.111)	(2.563.221.111)
Số dư ngày 01/01/2025	80.747.055.546	-	80.747.055.546
Tăng vốn trong năm nay	4.706.883.466	-	4.706.883.466
Lãi trong năm này	-	2.985.839.252	2.985.839.252
Trích lập các quỹ	-	(2.985.839.252)	(2.985.839.252)
Số dư ngày 31/12/2025	85.453.939.012	-	85.453.939.012

**16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn góp của Nhà nước	85.453.939.012	80.747.055.546
<b>Cộng</b>	<b>85.453.939.012</b>	<b>80.747.055.546</b>

**16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	85.453.939.012	80.747.055.546
Vốn góp đầu năm	80.747.055.546	80.747.055.546
Vốn góp tăng trong năm	4.706.883.466	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	85.453.939.012	80.747.055.546
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**16.4 Các quỹ của doanh nghiệp**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2025
Quỹ đầu tư phát triển	4.706.883.466	-	4.706.883.466	-
<b>Cộng</b>	<b>4.706.883.466</b>	<b>-</b>	<b>4.706.883.466</b>	<b>-</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng quỹ:**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty. Công ty không trích lập bổ sung quỹ này trong năm 2025.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.430.356.497	201.963.480.570
<b>Cộng</b>	<b>210.430.356.497</b>	<b>201.963.480.570</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hàng bán bị trả lại	34.799.000	125.674.562
<b>Cộng</b>	<b>34.799.000</b>	<b>125.674.562</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	173.517.209.519	166.063.247.342
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	233.458.689	295.287.162
<b>Cộng</b>	<b>173.750.668.208</b>	<b>166.358.534.504</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	268.467.745	226.763.609
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	622.747.569	878.281.745
<b>Cộng</b>	<b>891.215.314</b>	<b>1.105.045.354</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	1.655.929.350	2.414.840.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	140.255.011	901.628.696
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	30.348.496	-
Chi phí tài chính khác	39.543	-
<b>Cộng</b>	<b>1.826.572.400</b>	<b>3.316.469.246</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. Thu nhập khác	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu bán thanh lý tài sản cố định	23.148.148	-
Thu nhập khác	61.026.955	848.504.522
<b>Cộng</b>	<b>84.175.103</b>	<b>848.504.522</b>
7. Chi phí khác	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền phạt thuế, phạt hành chính	14.650.000	-
Chi phí khác	274.072.008	732.013.673
<b>Cộng</b>	<b>288.722.008</b>	<b>732.013.673</b>
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	27.139.039.674	24.411.539.986
Chi phí nhân viên quản lý	17.053.586.554	14.866.785.699
Chi phí vật liệu quản lý	116.612.867	114.999.446
Chi phí đồ dùng văn phòng	497.857.691	487.139.830
Khấu hao tài sản cố định	209.938.692	100.398.136
Thuế, phí, lệ phí	1.198.358.747	1.733.535.384
Chi phí dự phòng	-	20.622.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	346.204.112	78.663.545
Chi phí bằng tiền khác	7.716.481.011	7.009.395.942
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	5.483.441.973	5.322.107.640
Chi phí nhân viên bán hàng	2.503.611.508	2.234.671.931
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	1.570.500	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	2.396.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.450.800	52.450.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	11.711.807
Chi phí bằng tiền khác	2.925.809.165	3.020.876.602
c) Khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(913.522.934)	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(913.522.934)	-
<b>Cộng</b>	<b>31.708.958.713</b>	<b>29.733.647.626</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	93.049.367.734	103.002.543.182
Chi phí nhân công	44.698.835.240	42.861.073.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.669.749.638	4.641.361.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.915.582.414	18.066.928.572
Chi phí khác bằng tiền	18.272.884.981	26.359.173.872
<b>Cộng</b>	<b>194.692.897.073</b>	<b>194.931.080.667</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế, trong đó:	3.796.026.585	3.650.690.835
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế TNDN	288.016.027	732.009.573
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.084.042.612	4.382.700.408
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động xuất bản	66.211.891	168.883.448
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường	4.017.830.721	4.213.816.960
Thuế suất ưu đãi cho hoạt động xuất bản	10%	10%
Thuế suất thông thường của hoạt động khác	20%	20%
Chi phí thuế TNDN của các năm trước hạch toán vào chi phí thuế TNDN năm nay	-	227.817.987
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>810.187.333</b>	<b>1.087.469.724</b>

**VII. Những thông tin khác**

**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**2. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 do Công ty lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Hải Yến

Trần Thị Minh Huệ



Lê Minh Hải